

Số: /GP-UBND

Sơn La, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn lần 01)
(Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT tại trang trại chăn nuôi
xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 23/08/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Xét Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất của Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT ghi ngày 21/02/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 589/TTr-SNNMT ngày 13/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát – BLLT, địa chỉ tại Tổ 4, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình: Giếng khoan trang trại chăn nuôi của Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT.

2. Mục đích khai thác nước: Khai thác nước dưới đất phục vụ sản xuất của trang trại chăn nuôi lợn.

3. Vị trí công trình khai thác nước: xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

4. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước không áp khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Trias giữa (t_2)

5. Số lượng điểm khai thác: 01 Giếng khoan.

6. Tổng lưu lượng nước khai thác: $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

7. Thời hạn của giấy phép: 03 (ba) năm tính từ ngày 11/4/2025.

8. Chế độ khai thác của công trình: 24 giờ/ngày đêm; 365 ngày/năm.

9. Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

| Số hiệu | Tọa độ (VN2000 kinh tuyến trục 104° , múi chiếu 3°) | | Chiều sâu đặt ống lọc (m) | | Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m) | Tầng chứa nước khai thác |
|---------|--|--------|------------------------------|-----|---|--------------------------------|
| | X | Y | Từ | Đến | | |
| BLLT | 2351330 | 497196 | 30 | 60 | 16,97 | t_2 |

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin quy định tại Giấy phép này thì phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện việc quan trắc lưu lượng, chất lượng nguồn nước trong quá trình khai thác theo quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. Cụ thể:

a) Lưu lượng khai thác của công trình ($\text{m}^3/\text{ngày đêm}$): Giám sát định kỳ với chế độ giám sát không quá 24 giờ/01 lần và phải cập nhật số liệu vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và Hệ thống quản lý, giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước tỉnh Sơn La trước 10 giờ sáng ngày hôm sau.

b) Mực nước trong giếng khai thác: Giám sát định kỳ với chế độ giám sát không quá 24 giờ/01 lần và cập nhật số liệu vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và Hệ thống quản lý, giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước tỉnh Sơn La trước 10 giờ sáng ngày hôm sau.

c) Chất lượng nguồn nước trong quá trình khai thác:

- Thông số giám sát bao gồm 24 thông số gồm 9 thông số cơ bản và 15 thông số ảnh hưởng sức khỏe con người (cụ thể: pH, tổng coliform, nitrat, amoni, chỉ số pemanganat, tổng chất rắn hòa tan, độ cứng tổng số, As, Cl⁻, nitrit, F⁻, sulfat, Cd, CN⁻, Hg, Pb, Cr, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Se, E.coli)

- Tần suất giám sát 01 lần/06 tháng, giới hạn so sánh với QCVN 09:2023/BTNMT.

- Kết quả phân tích chất lượng nước phải được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng các yêu cầu, điều kiện về năng lực quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật.

- Kết quả giám sát chất lượng nước phải cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và Hệ thống quản lý, giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước tỉnh Sơn La không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả phân tích.

d) Trường hợp Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước tỉnh Sơn La chưa hoàn thiện hoặc có sự cố thì phải lập sổ nhật ký để lưu số liệu và cập nhật số liệu sau khi hoàn thiện.

3. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước tỉnh Sơn La và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các yêu cầu khác trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình:

a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Tài nguyên nước.

b) Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan trong quá trình khai thác theo quy định.

c) Thực hiện đầy đủ các quy định có liên quan về bảo vệ nước dưới đất trong quá trình khai thác đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Tuân thủ quy định liên quan đến tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

5. Chủ động nghiên cứu, áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động khai thác tài nguyên nước tại công trình.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước tỉnh Sơn La; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 11/4/2025 và thay thế Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 746/GP-UBND ngày 10/4/2015 do UBND tỉnh Sơn La cấp. Chậm nhất 45 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN - Bộ NN và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục Thuế khu vực IX;
- UBND huyện Mai Sơn;
- Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác công trình giếng khoan tại trang trại chăn nuôi của Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát – BLLT tại xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày /6/2025 của UBND tỉnh Sơn La)

| TOẠ ĐỘ VÀ CẤU TRÚC GIẾNG | | | | | | |
|--------------------------|--------------|--------|--------|--------|---------|-----------|
| Số hiệu giếng | Toạ độ giếng | | Φ (mm) | Từ (m) | Đến (m) | Ghi chú |
| | X (m) | Y (m) | | | | |
| GK | 2351330 | 497196 | 140 | +0,2 | 30,0 | ống chống |
| | | | 140 | 30,0 | 60,0 | ống lọc |
| | | | 140 | 60,0 | 70,0 | ống lắng |

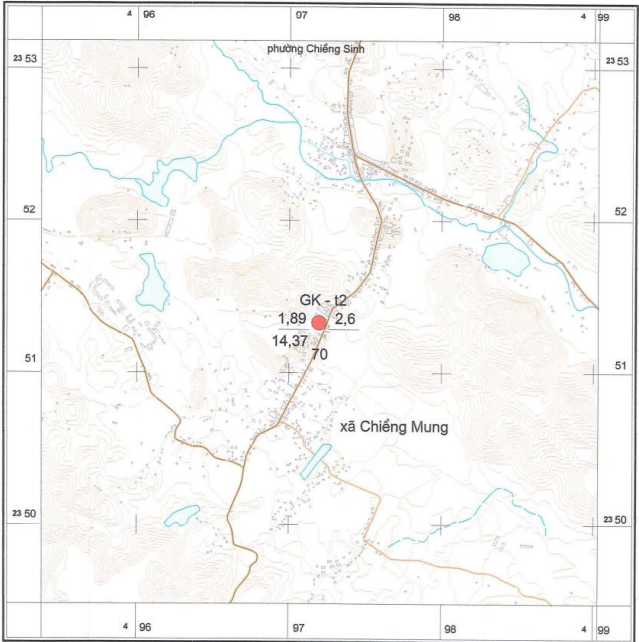
(Hệ toạ độ VN 2000, Kinh tuyến trực 104 00' , múi chiều 3)

| | | | |
|--|------------------|--|----------------|
| | Sông, suối | | Đường đồng mức |
| | Đường giao thông | | Địa danh |
| | Dân cư | | Ranh giới xã |

| | | | |
|-------|---|----------|------------------------------|
| 1 - a | 5 | Giếng GK | 1: Số hiệu giếng khoan |
| 3 | 2 | | a: Tầng chứa nước |
| 4 | | | 2: Chiều sâu giếng khoan (m) |
| | | | 3: Lưu lượng khai thác (l/s) |
| | | | 4: Độ hạ thấp mực nước (m) |
| | | | 5: Mực nước tĩnh (m) |

CÁC THÔNG SỐ CỦA CÁC GIẾNG KHAI THÁC

| Số hiệu giếng | Chiều sâu giếng (m) | Giới hạn khai thác | |
|---------------|---------------------|---------------------|-----------------------------|
| | | Lưu lượng (m3/ngày) | Chế độ khai thác (giờ/ngày) |
| GK | 70,0 | 150,0 | 8 |



ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TỶ LỆ 1:25.000

1cm trên bản đồ bằng 250m ngoài thực tế

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI
LỘC PHÁT - BLLT



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ái Pi



CHỦ TỊCH HĐQT-GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Bắc